

BÁO CÁO

Kết quả 03 năm triển khai thực hiện Đề án phát triển trường trọng điểm chất lượng cao giai đoạn 2015-2025; nhiệm vụ, giải pháp các năm tiếp theo

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai

1.1. Căn cứ pháp lý để xây dựng kế hoạch:

- Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Luật Giáo dục 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009;
- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.

- Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23/8/2006 của Liên bộ: Bộ GD&ĐT, Bộ Nội vụ hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

- Quyết định số 26/2013/QĐ-UBND ngày 23/01/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước tỉnh Bắc Giang;

- Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 05/9/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển giáo dục đào tạo tỉnh Bắc Giang đến năm 2020;

- Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 07/5/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Đề án phát triển trường trung học cơ sở trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2025;

1.2. Tổ chức, triển khai Đề án bằng các văn bản sau:

- Quyết định số 2488/QĐ-UBND ngày 10/7/2015 của UBND thành phố Bắc Giang về việc Phê duyệt Đề án thành lập trường THCS trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn thành phố Bắc Giang;

- Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 30/12/2016 của UBND thành phố Bắc Giang về việc triển khai thực hiện công tác chuẩn bị để đưa trường THCS Lê Quý Đôn vào hoạt động từ năm học 2017-2018;

- Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 30/3/2017 của UBND thành phố Bắc Giang về việc xét chọn giáo viên trường THCS Lê Quý Đôn năm học 2017-2018;

- Kế hoạch số 24/KH-GDĐT ngày 03/5/2017 của phòng GD&ĐT thành phố về việc tuyển sinh học sinh vào trường THCS Lê Quý Đôn năm học 2017-2018.

1.3. Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi: Thành phố Bắc Giang đã dành quỹ đất quy hoạch xây dựng trường học tại Lô đất T02, Khu dân cư số 2, phường Xương Giang; có mô hình các lớp chất lượng cao từ năm học 2012-2013; nhu cầu thực tiễn của nhân dân thành phố về giáo dục chất lượng cao thực sự cấp thiết (có nhiều gia đình gửi con đi học tại các trường chất lượng cao của Hà Nội); các nghị quyết của thành ủy luôn coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, quan tâm ưu tiên đầu tư cho giáo dục đào tạo; có đội ngũ nhà giáo giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, tâm huyết với giáo dục.

- Khó khăn: Chưa có cơ chế cụ thể bố trí đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu của mô hình trường trọng điểm chất lượng cao.

2. Công tác kiểm tra, giám sát

UBND thành phố luôn sát sao trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch xây dựng trường trọng điểm chất lượng cao, tổ chức đưa trường vào hoạt động, công tác chỉ đạo các hoạt động của nhà trường của phòng GD&ĐT, Nội vụ, Tài Chính - Kế hoạch, Quản lý Đô thị, UBND phường Xương Giang, trường THCS Lê Quý Đôn đảm bảo kế hoạch được thực hiện nghiêm túc, chất lượng, đúng tiến độ đề ra.

3. Kết quả thực hiện

3.1. Quy mô trường lớp

- Ngày 10/7/2015, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2488/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án thành lập trường THCS trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn thành phố Bắc Giang, trường được xây dựng mới.

- Cơ sở vật chất nhà trường: Trường THCS Lê Quý Đôn có cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đảm bảo các tiêu chuẩn của trường Chuẩn quốc gia, gồm:

+ Khối phòng học: Cao 04 tầng, diện tích xây dựng 505m², tổng diện tích sàn 2.020m², gồm 20 phòng học và các phòng phụ trợ khác; phòng học có diện tích 52,5m² (bình quân 1,5 m²/HS) được xây dựng đúng quy cách, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát. Các phòng học đã được trang bị đầy đủ bàn, ghế phù hợp với tầm vóc của học sinh, bàn ghế của giáo viên, bảng viết, thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định của Điều lệ trường Trung học, đảm bảo đủ cho 20 lớp của trường tổ chức hoạt động giáo dục. Mỗi phòng học được trang bị 18 bộ bàn ghế học sinh, 01 bộ bàn ghế giáo viên, 01 tủ thiết bị, 01 máy tính, 01 bảng từ, 01 smart tivi 55 inh, 02 điều hòa 12000 BTU.

+ Khối phòng học bộ môn: Cao 4 tầng, diện tích xây dựng $491m^2$, tổng diện tích sàn $1964m^2$, gồm 11 phòng học bộ môn và các phòng phụ trợ khác. Được trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị theo quy định tại Điều lệ trường Trung học và Quy định về tiêu chuẩn phòng học bộ môn do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

02 phòng học bộ môn tin học, đã được trang bị thiết bị gồm bàn, ghế, bảng, ti vi, máy chiếu Projector và mỗi phòng có 37 máy vi tính xách tay.

02 phòng học bộ môn tiếng Anh, đã được trang bị thiết bị dạy học thông minh (máy chiếu gần, bảng tương tác, hệ thống âm thanh).

01 phòng học bộ môn âm nhạc, 01 phòng học bộ môn mỹ thuật, các phòng thực hành bộ môn: Vật lí, hóa học, sinh học, công nghệ đã được bố trí đầy đủ bàn ghế, thiết bị thí nghiệm, đồ dùng dạy học theo quy định.

+ Khối phòng hành chính quản trị: Cao 4 tầng, diện tích xây dựng $305m^2$, tổng diện tích sàn $1.395m^2$ bao gồm đầy đủ các phòng thuộc khối hành chính quản trị theo quy định như phòng làm việc của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường, phòng các tổ chuyên môn, phòng y tế, nhà kho, phòng thường trực, phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể...

+ Khối phục vụ học tập gồm nhà tập đa năng có diện tích $755m^2$, thư viện, phòng đọc, phòng hoạt động Đoàn - Đội, phòng truyền thống, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, khu tập luyện thể thao.

+ Khu nhà ăn, nhà ở bán trú: gồm 2 tầng, diện tích xây dựng $650m^2$, tổng diện tích sàn $1300m^2$. Tầng 1 sử dụng làm bếp và phòng ăn, tầng 2 gồm 8 phòng ở dành cho học sinh, 03 phòng ở dành cho giáo viên. Các phòng ở được xây dựng khép kín, đã được trang bị đầy đủ giường, quạt, bàn ghế, bình nóng lạnh.

+ Khu vệ sinh được bố trí hợp lý theo từng khu làm việc, học tập cho giáo viên và học sinh, riêng cho nam, nữ, có đủ nước, ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường; có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường.

+ Khu để xe: Bố trí hợp lý trong khuôn viên trường, đảm bảo an toàn, trật tự, vệ sinh.

+ Có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin kết nối internet đáp ứng yêu cầu quản lý và dạy học.

- Quy mô học sinh:

+ Năm học 2017 - 2018: 17 lớp (khối 9 có 5 lớp; khối 6, 7, 8, mỗi khối 4 lớp) với 551 học sinh.

+ Năm học 2018 - 2019: 17 lớp (khối 9 có 5 lớp; khối 6, 7, 8, mỗi khối 4 lớp) với 533 học sinh.

3.2. Kinh phí xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Tổng vốn đầu tư: 57,05 tỷ đồng, bằng ngân sách thành phố; trong đó:

+ Chi phí đầu tư xây dựng: 50,35 tỷ đồng;

+ Mua sắm trang thiết bị: 6,7 tỷ đồng;

3.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và công tác bồi dưỡng giáo viên

- Năm học 2017-2018, Trường THCS Lê Quý Đôn có 45 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên có trình độ chuyên môn trên chuẩn đạt 80%, tỷ lệ giáo viên/lớp đạt 2,29.

- Việc hình thành đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý nhà trường

Ngày 28/10/2016, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 5971/QĐ-UBND về việc thành lập Trường THCS Lê Quý Đôn thành phố Bắc Giang, đồng thời ban hành các Quyết định điều động và bổ nhiệm các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Ngày 30/12/2016, UBND thành phố ban hành kế hoạch số 147/KH-UBND về Triển khai thực hiện công tác chuẩn bị để đưa Trường THCS Lê Quý Đôn vào hoạt động từ năm học 2017-2018 với mục đích chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; công tác tổ chức bộ máy; học sinh; tài chính; hồ sơ sổ sách quản lý trường học; môi trường giáo dục,... đảm bảo cho Trường THCS Lê Quý Đôn hoạt động từ năm học 2017-2018.

Kết quả: Hội đồng xét chọn của thành phố đã tuyển chọn được 39 giáo viên (04 thạc sỹ, 35 đại học), trong đó: Giáo viên Tổng phụ trách Đội: 01 (GV Âm nhạc); Giáo viên đứng lớp: 38 (Toán: 8, Văn: 8, tiếng Anh: 6, Vật lý: 2, Hóa học: 2, Sinh học: 2, Lịch sử: 2, Địa lý: 1, GDCD: 1, Tin học: 1, Âm nhạc: 1, Mỹ thuật: 1, Thể dục: 2, Công nghệ: 1).

- Công tác tổ chức bồi dưỡng giáo viên giỏi được quan tâm (trường có 18 giáo viên dạy giỏi cấp thành phố và 23 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh). Tham gia 01 buổi giao lưu chuyên môn trong tỉnh.

3.4. Học sinh

- Phương thức tuyển sinh:

+ Năm học 2017 – 2018: Tuyển sinh theo hình thức xét tuyển.

+ Năm học 2018 - 2019: Tuyển sinh theo hình thức thi tuyển.

- Tổng hợp số học sinh được tuyển sinh hàng năm:

| Năm học | Số HS tuyển theo địa bàn | Số HS lớp CLC | Số HS tuyển thêm | Số HS ra khỏi lớp CLC |
|-------------|--------------------------|---------------|------------------|-----------------------|
| 2017-2018 | 2376 | 430 | 140 | 0 |
| 2018-2019 | 2632 | 332 | 219 | 0 |
| Tổng | 5008 | 762 | 359 | 0 |

- Khó khăn trong công tác tuyển sinh: Nhu cầu của nhân dân gửi con em vào học trường trọng điểm chất lượng cao lớn gây áp lực lên công tác tuyển sinh đầu năm học.

3.5. Chương trình giáo dục

- Mỗi năm học phòng GD&ĐT chỉ đạo trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng khung phân phối chương trình, đề cương giảng dạy bộ môn đối với từng lớp chất lượng cao, các tổ nhóm chuyên môn trao đổi và thống nhất đề cương giảng dạy bộ môn. Tổ cốt cán của ngành thẩm định, phòng GD&ĐT duyệt đề cương giảng dạy bộ môn của các giáo viên dạy các lớp chất lượng cao.

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo các tổ, nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng cho năm học chi tiết đến từng tháng. Mỗi tháng các tổ nhóm chuyên môn sinh hoạt chuyên đề 01 lần (trao đổi chuyên môn và thống nhất các nội dung tự bồi dưỡng).

3.6. Cơ chế chính sách

Hiện nay thành phố chưa có cơ chế, chính sách riêng đối với giáo viên và học sinh trường trọng điểm CLC. Tuy nhiên, có thực hiện tăng cường tỷ lệ giáo viên trên lớp cho trường trọng điểm CLC (năm học 2017-2018 tỷ lệ 2,29 GV/lớp; năm học 2018-2019 tỷ lệ 2,5 GV/lớp).

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2018-2025

1. Công tác tham mưu phối hợp

Tiếp tục phối hợp với Sở GD&ĐT, Nội vụ, Tài chính tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành cơ chế tài chính áp dụng chế độ đãi ngộ cho giáo viên và học sinh các trường trọng điểm chất lượng cao.

2. Công tác tuyển dụng, bố trí đội ngũ; tổ chức bồi dưỡng nâng cao năng lực giáo viên

Tiếp tục tuyển dụng, bố trí đội ngũ giáo viên giỏi về trường THCS Lê Quý Đôn theo đúng lộ trình tăng số lớp của Đề án. Chỉ đạo phòng GD&ĐT có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực bồi dưỡng giáo viên.

3. Công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học

Chỉ đạo phòng GD&ĐT bảo quản, khai thác, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện đại đã được trang bị cho trường trọng điểm CLC.

4. Công tác xây dựng chương trình giáo dục

Chỉ đạo phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn trường THCS Lê Quý Đôn xây dựng chương trình giáo dục phù hợp đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu giáo dục của Đề án.

5. Xây dựng cơ chế, chính sách đối với giáo viên và học sinh

Chỉ đạo phòng Nội vụ, Tài chính- Kế hoạch, GD&ĐT nghiên cứu cơ chế chính sách cho giáo viên và học sinh trường trọng điểm chất lượng cao phù hợp với thực tiễn thành phố đảm bảo đúng thẩm quyền.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Kiến nghị với HĐND tỉnh: Ban hành Nghị quyết về cơ chế tài chính áp dụng chế độ đãi ngộ cho giáo viên và học sinh các trường trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

Kiến nghị với Sở GD&ĐT: Xây dựng hệ thống tiêu chí, quy trình kiểm định chất lượng giáo dục đối với trường trọng điểm chất lượng cao.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả 03 năm thực hiện Đề án phát triển trường THCS trọng điểm chất lượng cao trên địa bàn thành phố Bắc Giang giai đoạn 2015-2025, Chủ tịch UBND thành phố Bắc Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Lưu: VT.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND TP (B/c);
- Sở GD&ĐT (B/c);
- Phòng Giáo dục- Đào tạo;
- VP: LĐ, CVVX.



Nguyễn Tiến Dũng